

Số: 580/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày 25 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025; phương án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NQ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 160/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021; số 193/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2022; số 217/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022; số 307/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022; số 367/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2023; số 434/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 và số 474/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 về kế hoạch, dự kiến điều chỉnh và điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 và phương án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2021;

Thực hiện Kết luận số 834-KL/TU ngày 20 tháng 4 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025; phương án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2024;

Xét Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025; phương án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 233/BC-KTNS ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025; phương án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

1. Phương án sử dụng tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2024

a. Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2024

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024 là **40.641.223 triệu đồng** (đạt 123,8% dự toán), cụ thể:

- Thu nội địa 35.886.310 triệu đồng (đạt 123,3% dự toán). Trừ thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết, thu nội địa 24.019.854 triệu đồng (đạt 208,9% dự toán).
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 4.666.196 triệu đồng (đạt 126,1% dự toán).
- Thu huy động, đóng góp được 88.717 triệu đồng.

b. Thu cân đối ngân sách địa phương (thu hưởng theo tỷ lệ điều tiết)

Tổng thu cân đối ngân sách địa phương là **35.240.820 triệu đồng** (đạt 121% dự toán). Trong đó: thu ngân sách cấp tỉnh là 22.676.231 triệu đồng (đạt 101,7% dự toán); thu ngân sách cấp huyện là 7.212.619 triệu đồng (đạt 133,2% dự toán); thu ngân sách cấp xã là 5.351.970 triệu đồng (đạt 193,6% dự toán).

Số tăng thu ngân sách của tỉnh năm 2024 (không kể số thu huy động đóng góp, thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải) kết sổ ngày 31/01/2025 là 12.027.465 triệu đồng. Trong đó:

- Số tăng thu ngân sách cấp tỉnh: 8.902.385 triệu đồng
- Số tăng thu ngân sách cấp huyện: 2.407.243 triệu đồng
- Số tăng thu ngân sách cấp xã: 717.837 triệu đồng.

c. Phương án sử dụng tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2024

- Đối với số tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2024 (**8.902.385 triệu đồng**): thực hiện trích 70% để tạo nguồn cải cách tiền lương, tương ứng với số tiền là 6.231.670 triệu đồng (theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 4, Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025).

- Số tăng thu còn lại **2.670.715 triệu đồng** phương án sử dụng như sau:
 - + Bổ sung nguồn kinh phí an sinh xã hội để thực hiện các chính sách an sinh xã hội phát sinh, số tiền: 200.000 triệu đồng.
 - + Bổ sung cho kế hoạch đầu tư công trung hạn, số tiền: 2.470.715 triệu đồng.

2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025

a. Điều chỉnh, bổ sung tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là **68.190.750 triệu đồng** (đã giao tại Nghị quyết số 474/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh).

- Bổ sung từ nguồn tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2024 dành cho đầu tư công, số vốn là **2.470.715 triệu đồng**.

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung là **70.661.465 triệu đồng**.

(Chi tiết theo Phụ lục 01 gửi kèm)

b. Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

Dự kiến bổ sung danh mục và số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các dự án là **2.892.990 triệu đồng**, bao gồm:

- Nguồn tăng thu ngân sách năm 2024 bổ sung cho kế hoạch đầu tư công trung hạn là **2.470.715 triệu đồng**;

- Số vốn còn dư do điều chỉnh tăng, giảm tổng mức đầu tư các dự án đã có trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là **422.275 triệu đồng** (do sau khi thẩm định hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án có tổng mức đầu tư tăng hoặc giảm so với số vốn đã dự kiến), trong đó:

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 các dự án là 903.011 triệu đồng;

+ Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 các dự án là 480.736 triệu đồng.

c. Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đối với số vốn bổ sung 2.892.990 triệu đồng

- Đối với nguồn tăng thu ngân sách năm 2024 (số tiền 2.470.715 triệu đồng):

+ Đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực giao thông: 1.947.725 triệu đồng.

+ Đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi: 23.800 triệu đồng

+ Đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực y tế, dân số và gia đình: 215.008 triệu đồng;

+ Đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo: 144.100 triệu đồng;

+ Dự phòng chưa phân bổ: 140.082 triệu đồng.

- Đối với nguồn vốn còn dư, số tiền 422.275 triệu đồng (do điều chỉnh tăng, giảm tổng mức đầu tư các dự án): dự kiến phân bổ cho 01 dự án thuộc lĩnh vực giao thông là 422.275 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 gửi kèm)

d. Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư với tổng số vốn là 8.974.293 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 03 gửi kèm)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVII, Kỳ họp thứ Hai mươi bảy nhất trí thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, TP;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Công TTĐT đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^M

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Toàn

Phụ lục số 01
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM
GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 580/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch trung hạn 05 năm 2021-2025 đã giao	Nguồn vốn giao bổ sung từ nguồn tăng thu năm 2024	Kế hoạch trung hạn 05 năm 2021-2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	68.190.750	2.470.715	70.661.465	
A	PHÂN THEO CẤP QUẢN LÝ				
I	NGUỒN VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ	61.514.878	2.470.715	63.985.593	
1	Cân đối ngân sách địa phương	53.856.048	2.470.715	56.326.763	
a	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức	2.672.528		2.672.528	
b	Nguồn thu sử dụng đất điều tiết về cấp tỉnh quản lý	46.822.128	-	46.822.128	
-	<i>Nguồn thu sử dụng đất điều tiết về cấp tỉnh quản lý</i>	45.406.949		45.406.949	
-	<i>Nguồn thu tiền sử dụng đất trong Khu đại học Phố Hiến</i>	1.415.179		1.415.179	
c	Nguồn thu hồi vốn ứng trước	199.000		199.000	
d	Vốn số xố kiến thiết	127.377		127.377	
đ	Nguồn tăng thu ngân sách nhà nước năm 2021	376.394		376.394	
e	Nguồn tăng thu ngân sách nhà nước năm 2022	638.540		638.540	
f	Nguồn tăng thu ngân sách nhà nước năm 2023	3.020.081		3.020.081	
g	Nguồn tăng thu ngân sách nhà nước năm 2024		2.470.715	2.470.715	
2	Vốn ngân sách trung ương	7.658.830	-	7.658.830	
a	Vốn trong nước	7.468.730		7.468.730	
	<i>Trong đó:</i>			-	
-	<i>Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>	126.000		126.000	
-	<i>Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, dự án trọng điểm khác</i>	5.740.000		5.740.000	
-	<i>Thực hiện CTMT quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>	85.030		85.030	
b	Vốn nước ngoài	190.100		190.100	
II	NGUỒN VỐN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	3.675.872	-	3.675.872	
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức	675.872		675.872	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	3.000.000		3.000.000	
III	NGUỒN VỐN CẤP XÃ QUẢN LÝ	3.000.000	-	3.000.000	
1	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	3.000.000		3.000.000	
B	PHÂN THEO NGUỒN VỐN				
I	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	60.531.920	2.470.715	63.002.635	
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức	3.348.400		3.348.400	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	52.822.128	-	52.822.128	
3	Nguồn thu hồi vốn ứng trước GPMB dự án nổi hai cao tốc	199.000		199.000	
4	Vốn số xố kiến thiết	127.377	-	127.377	
5	Nguồn tăng thu ngân sách nhà nước năm 2021	376.394		376.394	
6	Nguồn tăng thu ngân sách nhà nước năm 2022	638.540		638.540	
7	Nguồn tăng thu ngân sách nhà nước năm 2023	3.020.081	-	3.020.081	
8	Nguồn tăng thu ngân sách nhà nước năm 2024		2.470.715	2.470.715	
II	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	7.658.830	-	7.658.830	
1	Vốn trong nước	7.468.730		7.468.730	
	<i>Trong đó:</i>			-	
-	<i>Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>	126.000		126.000	
-	<i>Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, dự án trọng điểm khác</i>	5.740.000		5.740.000	
-	<i>Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</i>	85.030		85.030	
2	Vốn nước ngoài	190.100		190.100	

Khang

Phụ lục số 02
DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Nguồn ngân sách cấp tỉnh quản lý)
(Kèm theo Nghị quyết số 580/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư dự kiến		KH vốn trung hạn đã dự kiến cân đối hoặc được giao tại các NQ của HĐND tỉnh	Dự kiến điều chỉnh, bổ sung KH vốn trung hạn 2021-2025				KH vốn trung hạn sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn	Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn	Dự kiến bổ sung danh mục KH trung hạn 2021-2025			
								Từ nguồn vốn còn dư	Từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2024		
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ		19.113.314	18.466.834	14.682.863	903.011	480.736	422.275	2.470.715	17.153.578	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI		18.689.687	18.043.207	14.616.533	877.400	480.736	422.275	1.947.725	16.589.869	
1	Dự án xây dựng tuyến đường kết nối di sản văn hóa du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng	H.VG, KC, KĐ, TP.HY	9.275.000	9.275.000	9.981.000	706.000				9.275.000	NQ số 523/NQ-HĐND ngày 11/12/2024
2	Đầu tư xây dựng đường gom dọc QL.39 đoạn từ QL.5 đến nút giao cầu vượt QL.39 (Km9+926 lý trình QL.39)	TX.MH; H.YM	2.441.600	2.441.600	2.496.000	54.400				2.441.600	NQ số 526/NQ-HĐND ngày 11/12/2024
3	Dự án Cải tạo, nâng cấp ĐT.380 đoạn Km2+910 đến Km7+000.	H. VL	174.770	174.770	144.770	70.000				74.770	Điều chỉnh giảm KH vốn trung hạn do chi phí GPMB thực tế dự kiến giảm so với TMĐT
4	Dự án đầu tư xây dựng công Đường vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội trên địa phận tỉnh Thái Bình với QL38B và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng trên địa phận tỉnh Hưng Yên.	H. PC	328.990	111.841	59.061	35.000				24.061	Điều chỉnh tăng KH vốn trung hạn do tăng TMĐT
5	Cải tạo, nâng cấp ĐT.387 đoạn km0+80 - km2+843	H. VL; MH	87.302	87.302	87.302	12.000				75.302	
6	Dự án Nâng cấp, mở rộng ĐT.385 đoạn Km7+750 – Km16+370 (Độc Nghĩa -Lương Tài)	H. VL	312.000	312.000	176.000		117.000			293.000	
7	Xây dựng các cầu vượt và bảo đảm an toàn giao thông trên tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	H. KC; KĐ; TL, TPHY	729.736	729.736	536.000		193.736			729.736	
8	Dự án thành phần 2.2: Xây dựng đường song hành (đường đô thị) địa phận tỉnh Hưng Yên thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	H.VG, KC, YM, VL	1.504.558	1.504.558	1.000.000		170.000			1.170.000	Chủ đầu tư đề nghị bổ sung
9	Xây dựng đường bên và các cầu vượt trên tuyến đường kết nối di sản văn hóa du lịch và phát triển dọc sông Hồng	H.VG, KC, KĐ, TPHY	2.850.000	2.850.000				422.275	1.427.725	1.850.000	Số vốn còn lại tiếp tục cân đối trong giai đoạn 2026-2030
10	Cải tạo, nâng cấp ĐT.377 (Đoạn từ ngã tư Đông Tảo đi huyện Văn Giang)	H. KC	148.000	100.000					100.000	100.000	

(Chữ ký)

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư dự kiến		KH vốn trung hạn đã dự kiến cân đối hoặc được giao tại các NQ của HĐND tỉnh	Dự kiến điều chỉnh, bổ sung KH vốn trung hạn 2021-2025				KH vốn trung hạn sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn	Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn	Dự kiến bổ sung danh mục KH trung hạn 2021-2025			
								Từ nguồn vốn còn dư	Từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2024		
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13
11	Cải tạo, nâng cấp đường hành lang chân đê đoạn từ K116+300 đến K117+900 đê tả sông Hồng và một số hạng mục công trình phụ trợ	H.KĐ; TPHY	20.000	20.000					20.000	20.000	
12	Đầu tư xây dựng tuyến tránh QL.38B qua địa phận huyện Tiên Lữ tỉnh Hưng Yên đoạn từ ĐH.72 đến ĐT.376	H. TL	189.231	68.000	68.000				50.000	118.000	Giao bổ sung KH trung hạn sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn
13	Tuyến tránh QL.38B qua địa phận huyện Tiên Lữ, đoạn từ ĐT.376 đến xã Đình Cao, huyện Phù Cừ	H. TL	178.500	68.400	68.400				50.000	118.400	
14	Xây dựng ĐT.377 quy hoạch mới, đoạn từ điểm giao ĐT.382 đến điểm giao ĐT.377B (khoảng từ Km7+450 đến Km11+200), huyện Khoái Châu	H.KC	450.000	300.000					300.000	300.000	
II	LĨNH VỰC NN&PTNT, THUỶ LỢI		23.800	23.800	-	-	-	-	23.800	23.800	
1	Xây dựng trạm bơm và kiên cố hóa kênh tiêu Trai Túc xã Trung Trác, huyện Văn Lâm	H. VL	23.800	23.800					23.800	23.800	
III	LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		255.727	255.727	66.330	25.611	-	-	215.008	255.727	
1	Hệ thống thu gom xử lý nước thải y tế cho các cơ sở y tế	TX.MH	40.719	40.719	66.330	25.611				40.719	
2	Mua sắm trang thiết bị y tế năm 2025 - Bệnh viện Đa khoa Phố Nối	TX.MH	76.360	76.360					76.360	76.360	
3	Mua sắm trang thiết bị y tế năm 2025 - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên	TPHY	78.648	78.648					78.648	78.648	
4	Đầu tư trang thiết bị, phần mềm triển khai hệ thống bệnh án điện tử phục vụ chuyển đổi số tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên giai đoạn I	TPHY	20.000	20.000					20.000	20.000	
5	Đầu tư trang thiết bị, phần mềm triển khai hệ thống bệnh án điện tử phục vụ chuyển đổi số tại Bệnh viện Đa khoa Phố Nối	TX. MH	20.000	20.000					20.000	20.000	
6	Đầu tư trang thiết bị, phần mềm triển khai hệ thống bệnh án điện tử phục vụ chuyển đổi số tại Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Hưng Yên giai đoạn I	H. KĐ	20.000	20.000					20.000	20.000	
IV	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO		144.100	144.100	-	-	-	-	144.100	144.100	
1	Xây dựng Nhà lớp học 4 tầng 28 phòng học, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Trung Vương, huyện Văn Lâm	H.VL	50.000	50.000					50.000	50.000	

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư dự kiến		KH vốn trung hạn đã dự kiến cân đối hoặc được giao tại các NQ của HĐND tỉnh	Dự kiến điều chỉnh, bổ sung KH vốn trung hạn 2021-2025				KH vốn trung hạn sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn	Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn	Dự kiến bổ sung danh mục KH trung hạn 2021-2025			
								Từ nguồn vốn còn dư	Từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2024		
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13
2	Xây dựng Trường THPT Ân Thi, HM: Khu hành chính quản trị và các phòng học chức năng; Nhà lớp học, một số phòng học bộ môn, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	H.ÂT	45.000	45.000					45.000	45.000	
3	Nhà thư viện trường phổ thông liên cấp và các HMPT Trường Cao đẳng Cộng đồng Hưng Yên	TPHY	14.100	14.100					14.100	14.100	
4	Nhà lớp học 03 tầng (15 phòng học) và các HMPT Trường THPT Trần Quang Khải	H. KC	35.000	35.000					35.000	35.000	
V	DỰ PHÒNG CHỮA PHÂN BỐ								140.082	140.082	



Phụ lục số 03

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 580/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư dự án	Quyết định đầu tư/ chủ trương đầu tư			KH vốn trung hạn 2021-2025 đã giao tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh	Giao bổ sung Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh GD 2021-2025	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh GD 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
			Số QĐ ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
TỔNG SỐ					9.790.452	9.169.293	176.000	8.974.293	9.150.293	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI			7.867.344	7.299.909	176.000	7.104.909	7.280.909		
	<i>Dự án nhóm B</i>									
1	Xây dựng cầu Cửu An 1 (bên phải) và cầu Cửu An 2 (bên trái) trên đường bên tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, tỉnh Hưng Yên	BQLDA đầu tư công trình GT-XD	479/NQ-HĐND ngày 11/7/2024	403.230	403.230		403.230	403.230		
2	Xây dựng đường Vành đai 3,5 (đoạn từ ĐT.378 đến QL.5).	BQLDA đầu tư công trình GT-XD	493/NQ-HĐND ngày 28/10/2024	1.495.000	1.495.000		1.495.000	1.495.000		
3	Xây dựng ĐT.382C đoạn từ giao với ĐT.387 đến đường trục trung tâm Khu đô thị phía Nam QL.5	BQLDA đầu tư công trình GT-XD	494/NQ-HĐND ngày 28/10/2024	531.436	531.436		531.436	531.436		
4	Xây dựng ĐT.377 quy hoạch mới, đoạn từ điểm giao với ĐT.377B đến điểm giao với ĐT.383 (khoảng Km11+200 đến Km13+800)	UBND huyện Khoái Châu	495/NQ-HĐND ngày 28/10/2024	365.000	280.907		280.907	280.907		
5	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường huyện ĐH.71 (đoạn từ ngã tư Công Luận, xã Đồng Thanh đến ngã ba Cống Trung, xã Phú Thịnh)	BQLDA đầu tư XD huyện Kim Động	530/NQ-HĐND ngày 11/12/2024	90.000	63.000		63.000	63.000		
6	Cải tạo, nâng cấp ĐT.382 đoạn Km19+750 – Km26+550 (từ giao với ĐT.382B đến giao với ĐT.378)	BQLDA đầu tư công trình GT-XD	525/NQ-HĐND ngày 11/12/2024	622.000	622.000		622.000	622.000		
7	Dự án Nâng cấp, mở rộng ĐT.385 đoạn Km7+750 – Km16+370 (Đốc Nghĩa - Lương Tài)	BQLDA đầu tư công trình GT-XD	2345/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	312.000	312.000	176.000	117.000	293.000		
8	Xây dựng các cầu vượt và bảo đảm an toàn giao thông trên tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình.	BQLDA đầu tư công trình GT-XD	526/NQ-HĐND ngày 11/12/2024	729.736	729.736		729.736	729.736		
9	Cải tạo, nâng cấp ĐT.384 đoạn từ ĐT.377 đến đường kết nối di sản, huyện Khoái Châu	UBND huyện Khoái Châu	393/NQ-HĐND ngày 02/10/2023	250.000	100.000		100.000	100.000		
10	Cải tạo, nâng cấp ĐT.383 đoạn từ ngã tư giao ĐT.379 đến ĐT.378	UBND huyện Khoái Châu	457/NQ-HĐND ngày 06/6/2024	285.000	120.000		120.000	120.000		
11	Cải tạo, nâng cấp ĐT.377 (đoạn từ ngã ba Hàng đến ngã tư Đông Tào)	UBND huyện Khoái Châu	459/NQ-HĐND ngày 06/6/2024	221.342	80.000		80.000	80.000		
12	Nâng cấp, cải tạo ĐT.377 đoạn từ giao QL.39 (Km31+00) đến chợ Thi (Km37+500)	BQLDA đầu tư công trình GT-XD	477/NQ-HĐND ngày 11/7/2024	81.000	81.000		81.000	81.000		
13	Đầu tư xây dựng đường gom dọc QL.39 đoạn từ QL.5 đến nút giao cầu vượt QL.39 (Km9+926 lý trình QL.39)	BQLDA đầu tư công trình GT-XD	570/QĐ-UBND ngày 10/3/2025	2.441.600	2.441.600		2.441.600	2.441.600		
	<i>Dự án nhóm C</i>									
1	Xây dựng đường vào khu tái định cư xã Lạc Hồng phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	Ủy ban nhân dân huyện Văn Lâm	524/NQ-HĐND ngày 11/12/2024	40.000	40.000		40.000	40.000		

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư dự án	Quyết định đầu tư/ chủ trương đầu tư			KH vốn trung hạn 2021-2025 đã giao tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh	Giao bổ sung Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh GD 2021-2025	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh GD 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Số QĐ ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó NS tỉnh				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
II	LĨNH VỰC NN&PTNT, THUỶ LỢI			1.320.000	1.320.000		1.320.000	1.320.000	
	<i>Dự án nhóm B</i>								
1	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Quang Trung 2 tiêu thoát nước cho vùng các khu công nghiệp huyện Kim Động, Ân Thi, Yên Mỹ.	BQLDA Nông nghiệp và PTNT	497/NQ-HĐND ngày 28/10/2024	100.000	100.000		100.000	100.000	
2	Xây dựng công Nghi Xuyên tiêu thoát nước sông Cửu An ra sông Hồng	BQLDA Nông nghiệp và PTNT	502/NQ-HĐND ngày 28/10/2024	250.000	250.000		250.000	250.000	
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu thoát nước vùng công nghiệp Kim Động, Ân Thi, Yên Mỹ	BQLDA Nông nghiệp và PTNT	503/NQ-HĐND ngày 28/10/2024	700.000	700.000		700.000	700.000	
4	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Trà Phương 3 tiêu thoát nước cho vùng các khu công nghiệp huyện Kim Động, Ân Thi, Yên Mỹ tỉnh Hưng Yên.	BQLDA Nông nghiệp và PTNT	505/NQ-HĐND ngày 28/10/2024	200.000	200.000		200.000	200.000	
	<i>Dự án nhóm C</i>								
1	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Văn Phú A thị xã Mỹ Hào	BQLDA Nông nghiệp và PTNT	498/NQ-HĐND ngày 28/10/2024	70.000	70.000		70.000	70.000	
III	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			97.996	44.272	0	44.272	44.272	
	<i>Dự án nhóm C</i>								
1	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng và các hạng mục phụ trợ trường Trung học cơ sở xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm	UBND xã Lạc Đạo	534/NQ-HĐND ngày 11/12/2024	14.500	9.272		9.272	9.272	
2	Dự án Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và một số hạng mục phụ trợ trường Mầm non thị trấn Ân Thi, huyện Ân	UBND thị trấn Ân Thi	253/QĐ-UBND ngày 24/01/2025	14.496	10.000		10.000	10.000	
3	Trường tiểu học Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào	UBND phường Phùng Chí Kiên	390/NQ-HĐND ngày 21/7/2023	69.000	25.000		25.000	25.000	
IV	LĨNH VỰC Y TẾ DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			205.719	205.719		205.719	205.719	
	<i>Dự án nhóm B</i>								
1	Khu khám, điều trị chất lượng cao và một số hạng mục phụ trợ - Bệnh viện Đa khoa Phố Nối	Bệnh viện Đa khoa Phố Nối	491/NQ-HĐND ngày 28/10/2024	150.000	150.000		150.000	150.000	
	<i>Dự án nhóm C</i>								
1	Xây dựng nhà cầu, bảo dưỡng sửa chữa trụ sở làm việc và phòng khám Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên.	Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên	537/NQ-HĐND ngày 11/12/2024	15.000	15.000		15.000	15.000	
2	Hệ thống thu gom xử lý nước thải y tế cho các cơ sở y tế	Sở Y tế	252/QĐ-UBND ngày 24/01/2025	40.719	40.719		40.719	40.719	
V	HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI			119.197	119.197		119.197	119.197	
	<i>Dự án nhóm B</i>								
1	Nhà thiếu nhi tỉnh Hưng Yên	Đoàn TNCS HCM tỉnh Hưng Yên	488/NQ-HĐND ngày 28/10/2024	119.197	119.197		119.197	119.197	
VI	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG, AN NINH			180.196	180.196		180.196	180.196	
	<i>Dự án nhóm B</i>								

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư dự án	Quyết định đầu tư/ chủ trương đầu tư			KH vốn trung hạn 2021-2025 đã giao tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh	Giao bổ sung Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh GD 2021-2025	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh GD 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Số QĐ ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó NS tỉnh				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Dự án HPA1-24 giai đoạn 1	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	311/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	97.196	97.196		97.196	97.196	
2	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên-Trung đoàn KTT 126 (giai đoạn 2)	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	490/NQ-HĐND ngày 28/10/2024	83.000	83.000		83.000	83.000	

